

THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN GIÁO DỤC THỂ CHẤT Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ KHU VỰC TRUNG DU BẮC BỘ

CURRENT STATUS OF SPORTS EDUCATION TEACHERS IN MIDDLE SCHOOLS IN THE NORTHERN CENTRAL REGION

TS. Phạm Anh Tuấn; TS. Tô Tiến Thành; ThS. Phạm Phi Điệp
Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội

Tóm tắt: Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy trong lĩnh vực thể dục thể thao, nghiên cứu tiến hành đánh giá thực trạng đội ngũ giáo viên giáo dục thể chất ở các trường trung học cơ sở khu vực trung du Bắc Bộ. Trên cơ sở đó, xây dựng và đề xuất triển khai các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên giáo dục thể chất ở các trường trung học cơ sở khu vực Trung du Bắc Bộ đáp ứng yêu cầu của chương trình phổ thông mới.

Từ khóa: Thực trạng; Giáo viên giáo dục thể chất; Trung học cơ sở; Khu vực trung du Bắc Bộ.

Abstract: Using regular scientific research methods in the field of physical education and sports, the study evaluated the current status of physical education teachers in middle schools in the Northern Midlands region. On that basis, develop and propose to implement solutions to improve the quality of physical education teachers in secondary schools in the Northern Midlands region to meet the requirements of the general education program new.

Keywords: Reality; Physical education teacher; Junior high school; Northern midland region.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục thể chất (GDTC) trong các trường phổ thông là môn học bắt buộc, được thực hiện từ lớp 1 đến lớp 12. Môn GDTC góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh, trọng tâm là: trang bị cho học sinh kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe; kiến thức và kỹ năng vận động; hình thành thói quen tập luyện, khả năng lựa chọn môn thể thao phù hợp để luyện tập nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực và tố chất vận động; trên cơ sở đó giúp học sinh có ý thức, trách nhiệm đối với sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng, thích ứng với các điều kiện sống, sống vui vẻ, hoà đồng với mọi người.

Để thực hiện tốt công tác GDTC trong trường học cán bộ, giáo viên làm công tác GDTC cần nắm vững và hiểu sâu các vấn đề như: Khái quát được những điểm cốt lõi về phương pháp, hình thức, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; Lựa chọn, xây dựng và vận dụng được các phương pháp, hình thức, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá phù hợp với nội dung và định hướng

đường phát triển năng lực của học sinh; Sử dụng và phân tích được kết quả đánh giá theo đường phát triển năng lực để ghi nhận sự tiến bộ của học sinh và đổi mới phương pháp dạy học môn học; Xây dựng được kế hoạch giảng dạy môn GDTC; Xây dựng được kế hoạch giảng dạy của một chủ đề/bài học môn GDTC; Xây dựng được kế hoạch tự học và hỗ trợ đồng nghiệp...

Xuất phát từ những lý do nêu trên, dựa vào các phân tích về ý nghĩa và tầm quan trọng của vấn đề cần nghiên cứu, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: *“Thực trạng chất lượng đội ngũ giáo viên GDTC ở các trường THCS khu vực Trung du Bắc Bộ”*.

Phương pháp nghiên cứu: Quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Về số lượng, giới tính đội ngũ giáo viên GDTC

Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

Số lượng, giới tính đội ngũ giáo viên khu vực Trung du Bắc Bộ năm học 2023-2024 GDTC ở các trường trung học cơ sở (THCS) được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Thống kê số lượng, giới tính của đội ngũ giáo viên GDTC ở các trường THCS khu vực Trung du Bắc Bộ

TT	Tỉnh, Thành phố	Tổng số giáo viên	Nam		Nữ	
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Bắc Giang	410	306	74.63	104	25.37
2	Phú Thọ	365	260	71.23	105	28.77
3	Thái Nguyên	280	199	71.07	81	28.93
4	Vĩnh Phúc	161	108	67.08	53	32.92
Tổng		1216	873	71.79	343	28.21

Qua bảng 1 cho thấy:

- Tỉnh Bắc Giang có 410 giáo viên giảng dạy môn GDTC với 306 giáo viên nam chiếm tỷ lệ 74.63% và 104 giáo viên nữ chiếm tỷ lệ 25.37%. Theo thông kê của Sở GD&ĐT về cơ bản số lượng giáo viên GDTC của tỉnh Bắc Giang hiện nay đã đáp ứng được yêu cầu của môn học.

- Tỉnh Phú Thọ có 365 giáo viên giảng dạy môn GDTC bậc THCS với 260 giáo viên nam chiếm tỷ lệ 71.23% và 105 giáo viên nữ chiếm tỷ lệ 28.77%. Theo thông kê của Sở GD&ĐT, hiện nay tỉnh còn thiếu khoảng 15 giáo viên.

- Tỉnh Thái Nguyên có 280 giáo viên giảng dạy môn GDTC với 199 giáo viên nam chiếm tỷ lệ 71.07% và 81 giáo viên nữ chiếm tỷ lệ 28.93%. Theo thông kê của Sở GD&ĐT hiện nay tỉnh Thái Nguyên còn thiếu khoảng 20 giáo viên GDTC bậc THCS.

- Tỉnh Vĩnh Phúc có 161 giáo viên giảng dạy môn GDTC với 108 giáo viên nam chiếm tỷ lệ 67.08% và 53 giáo viên nữ chiếm tỷ lệ 32.92%. Theo thông kê của Sở GD&ĐT, hiện nay tỉnh còn thiếu khoảng 25 giáo viên GDTC bậc THCS.

Như vậy, tổng số giáo viên GDTC ở các trường THCS của 04 tỉnh thuộc khu vực Trung du Bắc Bộ năm học 2023 – 2024 là 1216 người. Trong đó, có 873 giáo viên nam chiếm tỷ lệ 71.79%, 343 giáo viên nữ chiếm tỷ lệ 28.21%, tỷ lệ giáo viên nữ của các địa phương luôn ít hơn tỷ lệ nam giáo viên. Tuy nhiên, trong thời gian tới với sự phát triển về kinh tế, xã hội của khu vực, đặc biệt là gia tăng dân số thì số lượng học sinh bậc THCS sẽ tăng lên, các trường THCS sẽ có nhu cầu tăng thêm số lượng lớp học và thành lập các trường học mới. Vì vậy, việc nghiên cứu để tăng cường, bổ sung thêm đội ngũ giáo viên GDTC trong thời gian tới là việc làm cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Việc thiếu giáo viên là một trong những khó khăn trong việc triển khai thực hiện công tác GDTC ở khu vực Trung du Bắc Bộ, đặc biệt là bậc THCS.

2.2. Về trình độ đội ngũ giáo viên GDTC

Trình độ đào tạo của đội ngũ giáo viên GDTC ở các trường THCS khu vực Trung du Bắc Bộ năm học 2023-2024 được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Thống kê trình độ đào tạo của đội ngũ giáo viên GDTC ở các trường THCS khu vực Trung du Bắc Bộ

TT	Tỉnh, Thành phố	Tổng số giáo viên	Trình độ đào tạo							
			Sau ĐH		Đại học		Cao đẳng		Khác	
			n	%	n	%	n	%	n	%
1	Bắc Giang	410	1	0.24	376	91.71	33	8.05	0	0
2	Phú Thọ	365	1	0.27	321	93.98	21	5.75	0	0
3	Thái Nguyên	280	2	0.71	269	96.07	9	3.21	0	0
4	Vĩnh Phúc	161	1	0.62	153	95.03	7	4.35	0	0
Tổng		1216	5	0.41	1141	93.83	70	5.76	0	0

Qua bảng 2 cho thấy:

- Tỉnh Bắc Giang trong tổng số 410 giáo viên giảng dạy môn GDTC bậc THCS chỉ 01 giáo viên có trình độ Sau đại học chiếm tỷ lệ 0.24%, 376 giáo viên có trình độ đại học chiếm tỷ lệ 91.71%, 33 giáo viên có trình độ cao đẳng chiếm tỷ lệ 8.05%, trình độ đào tạo khác 0%.

- Tỉnh Phú Thọ trong tổng số 365 giáo viên giảng dạy môn GDTC bậc THCS, 01 giáo viên có trình độ Sau đại học chiếm tỷ lệ 0.27%, 321 giáo viên có trình độ đại học chiếm tỷ lệ 93.98%, 21 giáo viên có trình độ cao đẳng chiếm tỷ lệ 5.75%, trình độ đào tạo khác 0%.

- Tỉnh Thái Nguyên trong tổng số 280 giáo viên giảng dạy môn GDTC bậc THCS, 02 giáo viên có trình độ Sau đại học chiếm tỷ lệ 0.71%, 269 giáo viên có trình độ đại học chiếm tỷ lệ 96.07%, vẫn còn 9 giáo viên có trình độ cao đẳng chiếm tỷ lệ 3.21%, trình độ đào tạo khác 0%.

- Tỉnh Vĩnh Phúc trong tổng số 161 giáo viên giảng dạy môn GDTC bậc THCS, 01 giáo viên có trình độ Sau đại học chiếm tỷ lệ 0.62%, 153 giáo viên có trình độ đại học chiếm tỷ lệ 95.03%, 7 giáo viên có trình độ cao đẳng chiếm tỷ lệ 4.35%, trình độ đào tạo khác 0%.

Hiện nay, theo quy định của bộ GD&ĐT, giáo viên giảng dạy ở bậc THCS bắt buộc phải có trình độ đào tạo từ Đại học trở lên. Tuy nhiên, khu vực Trung du Bắc Bộ vẫn còn 70 giáo viên có trình độ cao đẳng chiếm tỷ lệ bình quân 5.76%, trong khi đó toàn khu vực chỉ có 05 giáo viên có trình độ sau đại học. Vì vậy, trong thời gian tới cần quan tâm đến việc đào tạo đề hoàn thiện và nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên GDTC của khu vực Trung du Bắc Bộ.

2.3. Về kỹ năng nghiên cứu khoa học và năng lực chuyên môn

- Kỹ năng nghiên cứu khoa học và năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên GDTC ở các trường THCS khu vực Trung du Bắc Bộ được trình bày ở bảng 3.

Bảng 3. Khảo sát chính trị, tư tưởng của đội ngũ giáo viên GDTC ở các trường THCS khu vực Trung du Bắc Bộ

TT	Nội dung	Bắc Giang		Phú Thọ		Thái Nguyên		Vĩnh Phúc					
		Tốt, Khá %	TB %	Yếu, Kém %	Tốt, Khá %	TB %	Yếu, Kém %	Tốt, Khá %	TB %	Yếu, Kém %			
Kỹ năng nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến kinh nghiệm													
1	Kỹ năng xác định đề tài cần nghiên cứu	16.4	24.2	59.4	16.6	22.4	61.0	15.2	22.9	61.9	15.6	22.4	62.0
2	Kỹ năng xây dựng đề cương nghiên cứu	16.6	22.4	61.0	15.2	22.9	61.9	15.6	22.4	62.0	16.4	24.2	59.4
3	Kỹ năng sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học	15.6	22.4	62.0	15.2	22.9	61.9	16.6	22.4	61.0	16.4	24.2	59.4
Năng lực chuyên môn													
4	Nắm được nội dung, kiến thức chuẩn của môn học mà mình giảng dạy	93.6	2.8	3.6	93.0	3.0	4.0	93.8	3.7	3.5	93.2	3.2	3.6
5	Bao quát được nội dung chương trình và mối liên hệ giữa các đơn vị kiến thức	92.2	7.8	0	93.3	6.7	0	92.6	7.4	0	93.2	6.8	0
6	Ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy và giáo dục	15.6	22.4	62.0	15.2	22.9	61.9	16.6	22.4	61.0	16.4	24.2	59.4
7	Ý thức học tập, tự bồi dưỡng, cập nhật những kiến thức mới	16.4	24.2	59.4	16.6	22.4	61.0	15.2	22.9	61.9	15.6	22.4	62.0

Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

Về kỹ năng nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến kinh nghiệm của giáo viên còn nhiều hạn chế. Số đông giáo viên chưa có kỹ năng xác định đề tài cần nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, giáo viên chưa có thói quen và kỹ năng viết sáng kiến kinh nghiệm.

Về năng lực chuyên môn, đa số giáo viên đã nắm được nội dung, kiến thức chuẩn của môn học mà mình giảng dạy. Tuy nhiên do chất lượng giáo viên ở các trường là không đồng đều, một số trường đội ngũ giáo viên trẻ mới vào nghề chiếm tỷ lệ cao nên chưa bao quát hết được nội dung chương trình và mối liên hệ giữa các đơn vị kiến thức còn hạn chế. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy và giáo dục cũng chưa thực sự đi vào chiều sâu, nhiều giáo viên còn thờ ơ với việc sử dụng phần mềm hỗ trợ trong giảng dạy. Ý thức học tập, tự bồi dưỡng, cập nhật những kiến thức mới chỉ tập trung vào đội ngũ giáo viên trẻ và tuổi đời chưa cao. Ở đối tượng giáo viên trên 50 tuổi đã có những dấu hiệu chững lại nên chất lượng chuyên môn ở các trường là không đồng đều. Việc đi học trên chuẩn của đội ngũ giáo viên trẻ là rất tích cực nhưng bị hạn chế bởi bận giờ dạy quy định ở các trường hàng năm.

2.4. Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của đội ngũ giáo viên

Thông qua số liệu (năm học 2022-2023) do Sở GD&ĐT các tỉnh khu vực Trung du Bắc Bộ cung cấp, đề tài tiến hành đánh giá mức độ

về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của đội ngũ giáo viên GDTC ở các trường THCS. Kết quả được trình bày ở bảng 4.

Qua bảng 3 cho thấy, hầu hết giáo viên chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, có lòng yêu nghề, thương yêu học sinh, đối xử công bằng và không thành kiến với học sinh; tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ. Song số giáo viên có cải tiến phương pháp giảng dạy để nâng cao kết quả học tập của học sinh, dạy học cá thể hóa nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh; ý thức tìm tòi, học hỏi để vận dụng phương pháp mới vào công tác giảng dạy, giáo dục học sinh của giáo viên chưa cao.

Phần lớn giáo viên nắm được những nội dung chủ yếu của môn học mà bản thân phụ trách; thấy rõ mối quan hệ giữa các đơn vị kiến thức trong môn học; có kiến thức sư phạm và kỹ năng giáo dục học sinh tốt. Tuy nhiên, số giáo viên lựa chọn các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với từng bài dạy và đối tượng học sinh, tổ chức tốt các mối quan hệ trong giờ học còn chiếm tỉ lệ thấp. Một bộ phận giáo viên còn gặp khó khăn trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy.

Số đông giáo viên có kỹ năng xác định mục tiêu, nhu cầu của việc bồi dưỡng nâng cao trình độ. Tuy vậy, kỹ năng lựa chọn nội dung để tự học, tự bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học cũng như bố trí thời gian, phương pháp tự học, tự bồi dưỡng còn nhiều hạn chế.

Bảng 4. Khảo sát chính trị, tư tưởng của đội ngũ giáo viên GDTC ở các trường THCS khu vực Trung du Bắc Bộ

TT	Nội dung	Bắc Giang		Phú Thọ		Thái Nguyên		Vĩnh Phúc					
		Tốt, Khá %	TB %	Tốt, Khá %	TB %	Tốt, Khá %	TB %	Tốt, Khá %	TB %				
Chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước													
1	Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước	100	0	0	100	0	0	100	0	0			
2	Tuyên truyền vận động mọi người chấp hành luật pháp, chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước	86.2	13.8	0	92.2	7.8	0	88.3	11.7	0	90.9	9.1	0
3	Tham gia tổ chức các hoạt động xã hội và các phong trào của trường, của địa phương	93.0	3.0	4.0	92.2	7.8	0	74.3	15.5	10.2	93.2	3.2	3.6
4	Giúp đỡ đồng nghiệp thực hiện tốt các nhiệm vụ của người giáo viên	94.9	5.1	0	94.9	5.1	0	94.9	5.1	0	94.9	5.1	0
Yêu nghề, thương yêu học sinh													
5	Đổi xử công bằng với học sinh, không thành kiến với học sinh	93.6	2.8	3.6	93.0	3.0	4.0	93.8	3.7	3.5	93.2	3.2	3.6
6	Thực hiện cá biệt hóa trong dạy học nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của từng học sinh	15.6	22.4	62.0	15.2	22.9	61.9	16.6	22.4	61.0	16.4	24.2	59.4
7	Tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	92.2	7.8	0	93.3	6.7	0	92.6	7.4	0	93.2	6.8	0
8	Thường xuyên cải tiến phương pháp giảng dạy để nâng cao kết quả học tập của học sinh	16.4	24.2	59.4	16.6	22.4	61.0	15.2	22.9	61.9	15.6	22.4	62.0

Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

TT	Nội dung	Bắc Giang			Phú Thọ			Thái Nguyên			Vĩnh Phúc		
		Tốt, Khá %	TB %	Yếu, Kém %	Tốt, Khá %	TB %	Yếu, Kém %	Tốt, Khá %	TB %	Yếu, Kém %	Tốt, Khá %	TB %	Yếu, Kém %
Tình thần trách nhiệm trong công tác, đoàn kết hợp tác với đồng nghiệp													
9	Hoàn thành các công việc được giao	95.6	4.4	0	96.3	3.7	0	95.1	4.9	0	96.0	4.0	0
10	Có lối sống trung thực, giản dị và lành mạnh, gương mẫu trước học sinh	100	0	0	100	0	0	100	0	0	100	0	0
11	Có tinh thần học hỏi giúp đỡ đồng nghiệp	90.8	9.2	0	91.2	8.8	0	89.9	10.1	0	91.8	8.2	0
12	Tích cực tham gia xây dựng tập thể sư phạm vững mạnh toàn diện	93.6	2.8	3.6	93.0	3.0	4.0	93.8	3.7	3.5	93.2	3.2	3.6
Ý thức tự học, tự bồi dưỡng													
13	Có nhu cầu và kế hoạch tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	16.6	22.4	61.0	15.2	22.9	61.9	15.6	22.4	62.0	16.4	24.2	59.4
14	Tham gia đầy đủ nội dung bồi dưỡng thường xuyên của ngành	74.3	15.5	10.2	92.2	7.8	0	93.0	3.0	4.0	93.2	3.2	3.6
15	Có ý thức tìm tòi học hỏi để vận dụng các phương pháp mới vào công tác giảng dạy, giáo dục học sinh	88.3	11.7	0	92.2	7.8	0	90.9	9.1	0	86.2	13.8	0

Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

3. KẾT LUẬN

- Đội ngũ giáo viên GDTC ở các trường THCS của 04 tỉnh thuộc khu vực Trung du Bắc Bộ còn thiếu về số lượng. Có sự chênh lệch lớn về giới tính, tỷ lệ giáo viên nữ của các địa phương chiếm 28.21%, luôn ít hơn tỷ lệ nam giáo viên giáo viên nam với 71.79%.

- Khu vực Trung du Bắc Bộ vẫn còn nhiều giáo viên có trình độ cao đẳng, trong khi đó toàn khu vực chỉ có 05 giáo viên có trình độ sau đại học. Vì vậy, trong thời gian tới cần quan tâm đến việc đào tạo đề hoàn thiện và nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên GDTC của khu vực Trung du Bắc Bộ.

- Đa số giáo viên GDTC ở các trường THCS khu vực Trung du Bắc Bộ tích cực tham

gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, có kiến thức sư phạm và kỹ năng giáo dục học sinh tốt, có kỹ năng xác định mục tiêu, nhu cầu của việc bồi dưỡng nâng cao trình độ. Tuy nhiên, một bộ phận giáo viên còn gặp khó khăn trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy, kỹ năng nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến kinh nghiệm của giáo viên còn nhiều hạn chế. Ý thức học tập, tự bồi dưỡng, cập nhật những kiến thức mới chỉ tập trung vào đội ngũ giáo viên trẻ và tuổi đời chưa cao.

- Đa số giáo viên GDTC ở các trường THCS khu vực Trung du Bắc Bộ chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, có lòng yêu nghề, thương yêu học sinh, đối xử công bằng và không thành kiến với học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành TW Đảng (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW*, ngày 4 tháng 11 năm 2013 về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT*, ngày 26/12/2018 Ban hành chương trình giáo dục phổ thông

3. Chính phủ (2015), *Nghị định số 11/2015/NĐ-CP*, ngày 31/1/2015 Quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

4. Chính phủ (2016), *Quyết định số 1076/QĐ-TTg*, ngày 17/ 6/2016 Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.

5. Nguyễn Văn Thời (2011), *Dạy học tự chọn giáo dục thể chất theo chủ đề và hoạt động thể thao ngoại khóa tự nguyện trong các trường trung học cơ sở*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học.

Nguồn bài báo: Phạm Anh Tuấn (2023-2024), Bài báo được trích dẫn từ đề tài Khoa học và Công nghệ Cấp Bộ: “*Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên GDTC ở các trường THCS khu vực Trung du Bắc Bộ đáp ứng yêu cầu của chương trình phổ thông mới*”.

Ngày nhận bài: 15/01/2024; Ngày đánh giá: 07/02/2024; Ngày duyệt đăng: 25/02/2024.